

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2019/HC-ST
Ngày 18 - 4 - 2019
V/v Khiếu kiện Thông báo về việc thu
hồi Văn bản số 953 và Văn bản số 366
của Chủ tịch UBND thị xã D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đẹp;
2. Ông Nguyễn Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 56/2017/TLHC-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “khiếu kiện Thông báo về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hà Văn G, sinh năm 1958; địa chỉ: Số a đường T, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Hà Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số a đường T, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Lê Thị L và ông Phạm Tiến Thiên Th - Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Thiên Th thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; bà L vắng mặt, ông Th có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính thị xã D, đường số 10, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã D, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 665/QĐ-UBND ngày 20/02/2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Hà Văn G trình bày:*

Nguyên vào năm 1968, gia đình ông Hà Văn G quản lý, sử dụng đất từ ngoài mặt đường T ra đến hết cái giếng (cái giếng này hiện nay đã bị gia đình bà U lấp) giáp ranh đất ông Hai Tr. Tuy nhiên, ngày 27/02/1996, UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) ban hành Quyết định số 833/QĐ.UB và ngày 06/4/1995, UBND huyện Th (nay là thị xã D) ban hành Quyết định số 110/QĐ.UB có nội dung : “*Ông G tiếp tục được lưu cư nhưng phải bồi hoàn đất đai theo Quyết định 4552/QĐ.UB của UBND tỉnh Sông Bé ngày 20/12/1994. Phòng Nông lâm thủy chủ trì cùng UBND xã Đông Hòa đo đạc bàn giao đất cho bà Cao Thị U và xác định diện tích đất thực tế đang sử dụng của nhà ông Hà Văn G và Hà Kim C để tính toán mức đền bù cho bà U*” .

UBND huyện Th (nay là thị xã D) đã ban hành nhiều văn bản giải quyết nội dung hai quyết định nêu trên nhưng không có kết quả. Ngày 22/9/2016, Chủ tịch UBND thị xã D đã ban hành Thông báo số 578/TB-UBND để thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Thông báo số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông G, không xác minh, kiểm tra thực tế các bên liên quan đã thực hiện Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 như thế nào.

Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 của UBND thị xã D ban hành đúng quy định pháp luật, nội dung văn bản phù hợp với thực tế sử dụng đất của gia đình ông G, các bên đã thống nhất chỉ ranh và đã được lập biên bản, đo đạc, cắm mốc. Gia đình ông G cũng đã đóng tiền đo đạc và thanh toán tiền bồi hoàn cho gia đình bà Cao Thị U. Hiện nay ông G đã thực hiện gần xong các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Thông báo số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của UBND thị xã D có nội dung: Không thụ lý đơn của bà Cao Thị U vì UBND thị xã D xác định diện tích lưu cư của ông G là 152,65m² và diện tích thực tế ông G đang sử dụng đúng tinh thần của Quyết định số 833/QĐ.UB ngày 27/02/1996 của UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) và Quyết định số 110/QĐ.UB ngày 06/4/1995 của UBND huyện Th (nay là thị xã D).

Ngày 10/10/2016, ông G nhận được Thông báo số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D. Không đồng ý với văn bản này, ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vấn đề sau: Hủy Thông báo số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của UBND thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D; công nhận Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu hủy Thông báo số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D. Đồng thời, tự nguyện rút yêu cầu Tòa án công nhận Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D – Ông Võ Anh T trình bày:*

Năm 1994, bà Cao Thị U có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Hà Văn G và ông Hà Kim C. Vụ việc tranh chấp đã được UBND huyện Th (nay thị xã D) giải quyết bằng Quyết định số 110/QĐ.UBND ngày 06/4/1995 có nội dung: “*Công nhận quyền sử dụng đất 3.300m² là của bà Cao Thị U, có đăng ký 299, số thửa 492, tờ bản đồ số 01. Trong diện tích đất 3.300m² nói trên có 02 ngôi nhà của ông Hà Kim C và ông Hà Văn G được tiếp tục lưu cư nhưng ông C và ông G phải bồi hoàn đất đai cho bà Cao Thị U theo giá đất tại Quyết định số 4552/QĐ.UBND ngày 27/02/1994 của UBND tỉnh Sông Bé*”.

Không đồng ý với nội dung quyết định này, bà Võ Thị H và bà Võ Thị C khiếu nại. Ngày 27/02/1996, UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) ban hành Quyết định số 833/QĐ.UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị H và bà Võ Thị C với nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà Võ Thị C và bà Võ Thị H. Công nhận Quyết định số 110/QĐ.UB ngày 06/4/1995 của UBND huyện Th là đúng và hợp tình hợp lý.

Năm 2015, ông Hà Văn G và bà Cao Thị U có đơn kiến nghị UBND thị xã D thực hiện Quyết định số 833/QĐ.UB ngày 27/02/1996 của UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương).

Sau khi xem xét đơn, hồ sơ có liên quan và quá trình xác minh, cho thấy: Diện tích đất ông G được lưu cư theo hiện trạng sử dụng thực tế là 152,65m², giá đất theo Quyết định 4552/QĐ-UBND ngày 20/12/1994 là 13.433.200 đồng. Bà Cao Thị U không đồng ý và yêu cầu hủy bỏ Văn bản 953/UBND-NC ngày 06/5/2016.

Qua rà soát lại hồ sơ vụ việc, Chủ tịch UBND thị xã D nhận thấy Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 được ban hành chưa đúng tinh thần Quyết định số 833/QĐ.UB và Quyết định số 110/QĐ.UB nên đã ban hành Văn bản số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 để thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC. Đồng thời, ngày 21/10/2016, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Văn bản số 2486/UBND-NC để tổ chức thực hiện Quyết định số 833/QĐ-UB và Quyết định số 110/QĐ-UB. Tuy nhiên, Văn bản số 2486/UBND-NC ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D đã bị hủy theo Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2017/HC-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án hành chính phúc thẩm số 544/2018/HC-PT ngày 13/12/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, UBND thị xã D đề nghị Tòa án xử

bác toàn bộ nội dung yêu cầu hủy Thông báo số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:
Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G, hủy Thông báo số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G; cụ thể: Đình chỉ yêu cầu công nhận Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D trên cơ sở tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu này. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G về việc yêu cầu hủy Thông báo 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã D về việc thu hồi văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Ngày 09 tháng 10 năm 2017, ông Hà Văn G nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, yêu cầu hủy Thông báo số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D; yêu cầu công nhận Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D có hiệu lực pháp luật.

[2] Căn cứ Điều 116, Điều 118 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì đơn khởi kiện của ông Hà Văn G còn trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung vụ án, thấy rằng:

[3.1] Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc trả lời đơn của ông Hà Văn G và bà Cao Thị U có nội dung: “Về

diện tích đất lưu cư cho ông Hà Văn G: Ông G được lưu cư theo hiện trạng sử dụng thực tế là $152,65m^2$ (phần A+C1+1/2C) tại bản vẽ đo đạc thực tế do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 28/12/2015. Về giá trị quyền sử dụng đất mà ông G phải bồi thường cho bà Cao Thị U: Ông Hà Văn G phải bồi hoàn cho bà U theo đơn giá đất quy định tại Quyết định số 4552/QĐ-UBND ngày 20/12/1994 của UBND tỉnh Sông Bé (nay là UBND tỉnh Bình Dương). Cụ thể: $152,65m^2 \times 88.000 \text{ đồng}/1m^2 = 13.433.200 \text{ đồng}$ (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng)". Sau khi tiến hành rà soát hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Cao Thị U, ông Hà Văn G và ông Nguyễn Văn T, UBND thị xã D nhận thấy Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hà Văn G chưa chính xác phần diện tích nhà được lưu cư cho ông Hà Văn G theo Quyết định số 833/QĐ-UB ngày 27/02/1996 của UBND tỉnh Sông Bé (nay là UBND tỉnh Bình Dương). Cho nên, ngày 22/9/2016, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Thông báo số 578/TB-UBND về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

[3.2] Mặc khác, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 544/2018/HC-PT ngày 13/12/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Thanh H, bà Cao Thị U; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2017/HC-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc kiện quyết định hành chính về việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai giữa người khởi kiện ông Hà Văn G với người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã D. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án. Theo nhận định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2017/HC-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương: “Do Quyết định số 110 không xác định cụ thể diện tích nhà lưu cư với diện tích thực tế đang sử dụng nên UBND huyện Th (nay là thị xã D) đã ban hành nhiều văn bản để thi hành quyết định số 110/QĐ-UB, Quyết định 833/QĐ-UB với nhiều số liệu khác nhau: Khi thì diện tích ông G, ông Th được lưu cư chỉ được tính là diện tích có nhà lưu cư như tại Công văn số 1306/CV.VT ngày 29/12/1998 của UBND huyện Th; khi thì bao gồm diện tích nhà ở + diện tích sân + diện tích hành lang bảo vệ đường bộ như tại Thông báo số 81/TB-UB ngày 17/8/2000 của UBND huyện Dĩ An; khi thì bao gồm đường đi chung + sân trước + nhà + sân sau như tại Văn bản số 296/UBND-NC ngày 03/5/2001 của UBND huyện Dĩ An; khi thì theo hiện trạng sử dụng thực tế, gồm sân sau + nhà + sân trước + lối đi chung như tại Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 của UBND thị xã Dĩ An; nay thì trở về diện tích có nhà lưu cư như tại Công văn số 2486/UBND-NC.” để hủy Công văn số 2486/UBND-NC ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc trả lời đơn của công dân. Bản án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm nói trên đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Cho nên, Văn bản số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D đã ban hành là đúng trình tự thủ tục về ban hành văn bản. Ông Hà Văn G được quyền yêu cầu

UBND thị xã D tiếp tục thực hiện Quyết định số 833/QĐ-UB ngày 27/02/1996 của UBND tỉnh Sông Bé (nay UBND tỉnh Bình Dương) theo Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 06/4/1995 của UBND tỉnh Sông Bé có ghi tại điểm b Điều II của Quyết định như sau: “*Phòng Nông Lâm thủy cùng UBND xã Đông Hòa đo đạc bàn giao đất cho bà Cao Thị U và xác định diện tích thực tế đang sử dụng của Ông Hà Văn G để tính toán mức đền bù cho bà Cao Thị U*”.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G về việc yêu cầu hủy Thông báo số 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu công nhận Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D có hiệu lực pháp luật: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu công nhận Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 55; 98; 115; 116; 134; điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 và khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu công nhận Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G về việc yêu cầu hủy Thông báo 578/TB-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D về việc thu hồi Văn bản số 953/UBND-NC ngày 06/5/2016 và Văn bản số 366/TB-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Hà Văn G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm được khấu số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số 0010823 ngày 27/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - Các đương sự | 05; |
| - VKSND tỉnh Bình Dương | 01; |
| - Cục THADS tỉnh Bình Dương | 01; |
| - Lưu: HSVA, Tổ HCTP | 03. |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tâm